

MỘT SỐ KIẾN NGHỊ GÓP PHẦN HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ ƯU ĐÃI ĐẦU TƯ ĐỐI VỚI DOANH NGHIỆP KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

● LÊ THANH HÒA - NGUYỄN VŨ BẢO

TÓM TẮT:

Việt Nam xác định phát triển khoa học và công nghệ là một trong những quốc sách quan trọng hàng đầu và đã ban hành pháp luật để quy định về ưu đãi đầu tư đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ. Tuy nhiên, việc tiếp cận các ưu đãi đầu tư của doanh nghiệp khoa học và công nghệ còn gặp rất nhiều khó khăn. Bài viết phân tích các quy định của pháp luật về ưu đãi đầu tư đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ; từ đó chỉ ra một số bất cập, hạn chế của quy định này và kiến nghị hoàn thiện pháp luật về ưu đãi đầu tư đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ.

Từ khóa: ưu đãi đầu tư, doanh nghiệp, khoa học và công nghệ.

1. Đặt vấn đề

Trong những năm qua, Việt Nam đã có những thay đổi mạnh mẽ về cơ chế, chính sách, ưu đãi, hỗ trợ nhằm huy động mọi nguồn lực phát triển khoa học và công nghệ (KH&CN), khuyến khích, hỗ trợ hình thành, phát triển các tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong doanh nghiệp, đặc biệt là phát triển doanh nghiệp KH&CN. Tuy nhiên số doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN vẫn còn khá hạn chế.

Để phát triển cộng đồng doanh nghiệp nói chung, nhất là doanh nghiệp KH&CN, Quốc hội đã ban hành Luật Khoa học và Công nghệ năm 2013; Luật Doanh nghiệp năm 2020; Luật Đầu tư năm 2020; Chính phủ ban hành Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 về doanh nghiệp khoa học và công nghệ và các Bộ, ngành liên quan đã ban hành nhiều văn bản nhằm thúc đẩy doanh nghiệp KH&CN phát triển về số lượng

và chất lượng. Tuy nhiên, nhìn chung việc tiếp cận các ưu đãi của Nhà nước đối với doanh nghiệp KH&CN còn khó khăn, hạn chế, số lượng doanh nghiệp được hỗ trợ còn khá khiêm tốn. Khó khăn, hạn chế nêu trên chủ yếu là do quy định pháp luật về ưu đãi đầu tư đối với doanh nghiệp KH&CN còn nhiều bất cập, chưa đồng bộ, liên thông, thiếu các quy định hướng dẫn chi tiết, các ưu đãi đối với doanh nghiệp KH&CN chưa đủ mạnh, chưa thực sự là đòn bẩy thúc đẩy phát triển doanh nghiệp KH&CN.

2. Những bất cập của pháp luật về ưu đãi đầu tư đối với doanh nghiệp khoa học công nghệ và kiến nghị hoàn thiện

Qua nghiên cứu pháp luật về ưu đãi đầu tư đối với doanh nghiệp KH&CN đã cho thấy, pháp luật hiện hành về ưu đãi đầu tư đối với doanh nghiệp KH&CN còn một số hạn chế, bất cập, cần hoàn thiện.

2.1. Bất cập về đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư và kiến nghị hoàn thiện

Pháp luật hiện hành chưa phân biệt cụ thể sản xuất các sản phẩm hình thành từ kết quả KH&CN thuộc nhóm danh mục ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư hay thuộc nhóm danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư. Theo Luật Đầu tư năm 2020 và Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư (Nghị định số 31/2021/NĐ-CP) chỉ những dự án đầu tư thuộc danh mục được quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 31/2021/NĐ-CP mới thuộc đối tượng được hưởng ưu đãi đầu tư. Tuy nhiên, Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 31/2021/NĐ-CP quy định: “... sản xuất các sản phẩm hình thành từ kết quả KH&CN theo quy định của pháp luật về KH&CN”¹ thuộc nhóm danh mục ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư. “Sản xuất, kinh doanh sản phẩm hình thành từ kết quả KH&CN của doanh nghiệp KH&CN”² thuộc nhóm danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư. Trong khi đó, Luật KH&CN năm 2013, sửa đổi, bổ sung năm 2018 quy định: “Doanh nghiệp KH&CN là doanh nghiệp thực hiện sản xuất, kinh doanh, dịch vụ KH&CN để tạo ra sản phẩm, hàng hóa từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ”. Như vậy, có sự chưa rõ về khái niệm để phân biệt cụ thể sản xuất các sản phẩm hình thành từ kết quả KH&CN thuộc nhóm danh mục ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư hay thuộc nhóm danh mục ngành, nghề ưu đãi đầu tư bởi vì sản xuất, kinh doanh sản phẩm hình thành từ kết quả KH&CN của doanh nghiệp KH&CN cũng được xác định theo quy định của pháp luật về KH&CN.

Do đó, kiến nghị Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành thông tư để quy định rõ danh mục sản phẩm nào là sản phẩm hình thành từ kết quả KH&CN thuộc diện đặc biệt ưu đãi đầu tư và sản phẩm nào là sản phẩm hình thành từ kết quả KH&CN thuộc diện ưu đãi đầu tư.

2.2. Bất cập về thủ tục áp dụng ưu đãi đầu tư và kiến nghị hoàn thiện

Có sự bất bình đẳng giữa các nhà đầu tư trong việc thực hiện thủ tục áp dụng ưu đãi đầu tư. Luật Đầu tư năm 2020 tiếp tục ghi nhận thủ tục áp dụng ưu đãi đầu tư thành hai nhóm: (i) nhóm dự án đầu tư thuộc diện cấp Giấy chứng nhận (GCN) đăng ký

đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư và (ii) nhóm dự án đầu tư không thuộc trường hợp cấp GCN đăng ký đầu tư. Thủ tục áp dụng ưu đãi đầu tư có sự khác biệt đối với dự án thuộc diện và không thuộc diện cấp GCN đăng ký đầu tư hoặc quyết định chủ trương đầu tư. Theo đó, những dự án cấp GCN đăng ký đầu tư là dự án đầu tư nước ngoài hoặc dự án đầu tư của tổ chức kinh tế mà trong đó tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ của nhà đầu tư nước ngoài chiếm ưu thế⁴. Các dự án không thuộc trường hợp cấp GCN đăng ký đầu tư là dự án đầu tư trong nước; dự án của tổ chức kinh tế tại khoản 2 Điều 23 của Luật Đầu tư năm 2020; dự án đầu tư theo hình thức góp vốn, mua cổ phần, phần vốn góp của tổ chức kinh tế. Khi đó, những dự án đầu tư không thuộc diện cấp GCN đăng ký đầu tư, nhà đầu tư phải tự xác định các hình thức mà dự án đầu tư của mình được ưu đãi và làm thủ tục hưởng ưu đãi. Đối với dự án cấp GCN đăng ký đầu tư, Nhà nước sẽ thực hiện việc xác nhận căn cứ, điều kiện áp dụng ưu đãi và ghi vào GCN đăng ký đầu tư.

Như vậy, theo quy định trên, các nhà đầu tư có dự án không thuộc nhóm cấp GCN đăng ký đầu tư phải thực hiện thêm khâu tự xác định ưu đãi cũng như thực hiện thủ tục hưởng ưu đãi đầu tư khi tiến hành các thủ tục thực hiện đầu tư, còn đối với nhà đầu tư có dự án cấp GCN đăng ký đầu tư thì không phải làm khâu này. Và việc nhà đầu tư tự xác định các ưu đãi thường gặp khó khăn, bởi vì, mỗi hình thức ưu đãi đầu tư được điều chỉnh bởi một lĩnh vực pháp luật riêng với nhiều điều kiện và thủ tục khác nhau, nhiều quy định chưa rõ ràng, chưa thống nhất. Như vậy, với quy định phân loại thủ tục áp dụng ưu đãi đầu tư như hiện nay, phản ánh sự bất bình đẳng giữa các nhà đầu tư, dự án đầu tư trong nước phải mất nhiều thời gian hơn để thực hiện thủ tục xác nhận thuộc đối tượng và đủ điều kiện hưởng ưu đãi đầu tư. Điều này là chưa phù hợp, chưa thống nhất với chính sách đầu tư, kinh doanh theo quy định tại Khoản 5 Điều 5 Luật Đầu tư năm 2020: “Nhà nước đối xử bình đẳng giữa các nhà đầu tư; có chính sách khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi để nhà đầu tư thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh, phát triển bền vững các ngành kinh tế”.

Do đó, đối với nội dung này, kiến nghị Quốc hội quy định áp dụng thống nhất một thủ tục áp dụng ưu

đầu tư giữa các nhà đầu tư. Điều này, góp phần tạo nên sự thống nhất, đồng bộ trong quản lý nhà nước về thủ tục áp dụng ưu đãi đầu tư, đồng thời đảm bảo nguyên tắc đối xử bình đẳng giữa các nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư tại Việt Nam.

2.3. **Bất cập về thủ tục điều chỉnh ưu đãi đầu tư**

Trình tự và thủ tục thực hiện điều chỉnh ưu đãi đầu tư chưa rõ ràng, cụ thể. Điều 22 Nghị định số 31/2021/NĐ-CP quy định các trường hợp ưu đãi đầu tư được điều chỉnh và hướng xử lý để đảm bảo quyền lợi của nhà đầu tư khi những ưu đãi này bị thay đổi. Tuy nhiên, trình tự và thủ tục thực hiện các trường hợp ưu đãi đầu tư được điều chỉnh theo quy định này chưa được hướng dẫn cụ thể, gây khó khăn cho nhà đầu tư. Do đó, kiến nghị Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành thông tư quy định chi tiết về trình tự, thủ tục thực hiện các trường hợp ưu đãi đầu tư được điều chỉnh theo quy định tại Điều 22 của Nghị định số 31/2021/NĐ-CP. Việc ban hành thông tư này góp phần tạo lập môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi, lành mạnh, công bằng cho mọi thành phần kinh tế, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, phù hợp với Chương trình tổng thể cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2021-2030 theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ.

2.4. **Bất cập về ưu đãi thuế và kiến nghị hoàn thiện**

Thứ nhất, việc xác định sản phẩm hình thành từ kết quả KH&CN để được hưởng ưu đãi miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) còn nhiều khó khăn. Khoản 1 Điều 12 Nghị định số 13/2019/NĐ-CP quy định: “*Thu nhập của doanh nghiệp KH&CN từ hoạt động sản xuất, kinh doanh các sản phẩm hình thành từ kết quả KH&CN được hưởng ưu đãi miễn, giảm thuế TNDN*”. Trong khi đó, Khoản 1, Điều 2 Nghị định 13/2019/NĐ-CP giải thích “*Sản phẩm hình thành từ kết quả KH&CN (bao gồm: công nghệ sau ươm tạo, hàng hóa, dịch vụ và các hình thức khác) là kết quả của quá trình sản xuất hoặc cung ứng dịch vụ dựa trên việc áp dụng, ứng dụng hoặc phát triển kết quả KH&CN*”. Nội dung giải thích này là chưa rõ, khó hiểu do không có tiêu chí để phân định với các sản phẩm khác của doanh nghiệp, dẫn đến việc doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc xác định sản phẩm hình thành từ kết quả KH&CN với sản

phẩm khác của doanh nghiệp. Do đó, kiến nghị Bộ Khoa học và Công nghệ sớm quy định trong thông tư để giúp doanh nghiệp thuận lợi trong việc xác định sản phẩm hình thành từ kết quả KH&CN.

Thứ hai, việc quy định doanh nghiệp KH&CN phải có doanh thu hàng năm từ hoạt động sản xuất, kinh doanh các sản phẩm hình thành từ kết quả KH&CN đạt tỷ lệ tối thiểu 30% trên tổng doanh thu hàng năm của doanh nghiệp thì mới được hưởng ưu đãi miễn, giảm thuế TNDN là chưa phù hợp. Theo quy định của Nghị định số 13/2019/NĐ-CP, để được hưởng ưu đãi miễn, giảm thuế TNDN, doanh nghiệp KH&CN phải có doanh thu hàng năm từ hoạt động sản xuất, kinh doanh các sản phẩm hình thành từ kết quả KH&CN đạt tỷ lệ tối thiểu 30% trên tổng doanh thu hàng năm của doanh nghiệp⁵. Doanh nghiệp KH&CN không được ưu đãi miễn, giảm thuế TNDN đối với năm tài chính không đáp ứng được điều kiện về doanh thu của sản phẩm hình thành từ kết quả KH&CN đạt tỷ lệ tối thiểu 30% trên tổng doanh thu của doanh nghiệp⁶. Nội dung quy định này có thể xuất phát từ mục đích mong muốn các doanh nghiệp KH&CN không ngừng cải tiến, đổi mới công nghệ, nâng cao hàm lượng chất xám trong các sản phẩm để hạ giá thành sản phẩm hoặc mang lại giá trị gia tăng cao hơn. Tuy nhiên, chính việc quy định tỷ lệ doanh thu hàng năm từ hoạt động sản xuất, kinh doanh các sản phẩm hình thành từ kết quả KH&CN phải đạt tỷ lệ tối thiểu 30% trên tổng doanh thu hàng năm của doanh nghiệp đã cản trở sự hình thành và phát triển của doanh nghiệp KH&CN, dẫn đến tình trạng số lượng doanh nghiệp hoạt động nhiều, nhưng doanh nghiệp được chứng nhận là doanh nghiệp KH&CN rất ít, chiếm tỷ lệ chưa đến 0,1% trên tổng số doanh nghiệp của cả nước đang hoạt động, chưa tương xứng với vai trò của KH&CN là “động lực then chốt để phát triển đất nước nhanh và bền vững”. Ngoài ra, để bóc tách và chứng minh tỷ lệ doanh thu các sản phẩm hình thành từ kết quả KH&CN đạt tỷ lệ tối thiểu 30% trên tổng doanh thu hàng năm với cơ quan thuế là việc không đơn giản với đa số doanh nghiệp.

Do đó, để khuyến khích doanh nghiệp KH&CN mở rộng đầu tư, sản xuất, tăng cường đầu tư cho KH&CN để phát triển sản phẩm mới, chủ lực tham gia chuỗi giá trị trong tiến trình hội nhập không nên

quy định tỷ lệ doanh thu làm cơ sở để ưu đãi thuế TNDN, Nhà nước cần đưa ra ưu đãi mạnh hơn về thuế TNDN dành cho doanh nghiệp KH&CN không chỉ để ghi nhận mà để thúc đẩy khối tư nhân đầu tư cho đổi mới sáng tạo, phát triển công nghệ, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Từ cơ sở nêu trên, kiến nghị chỉ cần doanh nghiệp có doanh thu hàng năm từ hoạt động sản xuất, kinh doanh các sản phẩm hình thành từ kết quả KH&CN thì doanh thu này sẽ được ưu đãi miễn, giảm thuế TNDN, không cần phải đạt tỷ lệ tối thiểu bao nhiêu phần trăm so với tổng doanh thu hàng năm của doanh nghiệp.

Thứ ba, pháp luật quy định lấy thời gian miễn thuế, giảm thuế TNDN áp dụng cho doanh nghiệp KH&CN trừ đi thời gian miễn thuế, giảm thuế TNDN mà doanh nghiệp đã hoặc đang hưởng theo điều kiện ưu đãi khác là chưa thật sự công bằng cho doanh nghiệp KH&CN và chưa cân bằng lợi ích giữa nhà nước và doanh nghiệp. Điểm a Khoản 2 Điều 3 Thông tư số 03/2021/TT-BTC ngày 11/01/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về miễn thuế, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đối với doanh nghiệp KH&CN quy định tại Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ về doanh nghiệp KH&CN, quy định: “Trường hợp doanh nghiệp KH&CN đã hoặc đang được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo điều kiện ưu đãi khác (ngoài điều kiện ưu đãi doanh nghiệp KH&CN) mà được cấp GCN doanh nghiệp KH&CN thì thời gian miễn thuế, giảm thuế TNDN theo điều kiện doanh nghiệp KH&CN được xác định bằng thời gian miễn thuế, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho doanh nghiệp KH&CN trừ đi thời gian miễn thuế, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp đã hưởng theo điều kiện ưu đãi khác”. Hướng dẫn nội dung này, Bộ Tài chính đã hướng tới việc giữ vững nguyên tắc miễn 4 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 9 năm tiếp theo là mức ưu đãi tối đa mà doanh nghiệp được hưởng về thời gian miễn, giảm thuế theo quy định tại Luật thuế TNDN⁷.

Tuy nhiên, doanh nghiệp KH&CN với vai trò là cầu nối giữa các kết quả nghiên cứu, ứng dụng KH&CN được chuyển giao vào trong sản xuất sản phẩm, hàng hóa, là chủ thể kinh tế sản xuất chủ lực, tạo ra những sản phẩm có giá trị gia tăng cao,

là đội ngũ tiên phong và có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc thúc đẩy sự tăng trưởng và đổi mới sáng tạo trong các ngành công nghiệp, quyết định sự phát triển của thị trường KH&CN thì việc pháp luật quy định lấy thời gian miễn thuế, giảm thuế TNDN áp dụng cho doanh nghiệp KH&CN trừ đi thời gian miễn thuế, giảm thuế TNDN đã hưởng theo điều kiện ưu đãi khác là chưa thật sự công bằng cho doanh nghiệp KH&CN và chưa cân bằng giữa lợi ích nhà nước và doanh nghiệp. Trong trường hợp này, doanh nghiệp KH&CN cho rằng “việc bị cắt ưu đãi thuế như vậy giống như họ mua hai tấm vé số, trúng thưởng ở hai tuần khác nhau nhưng khi nhận thưởng, công ty số xổ lại lấy vé này trừ đi vé kia, hoặc nói rằng họ nhận tiền thưởng một vé là đủ rồi”⁸.

Do đó, Luật Thuế TNDN cần được sửa đổi, bổ sung theo hướng có điều khoản riêng quy định ưu đãi miễn, giảm thuế TNDN cho doanh nghiệp KH&CN, bởi vì hiện nay, Nghị định số 13/2019/NĐ-CP chỉ mới ghi nhận thu nhập của doanh nghiệp KH&CN từ hoạt động sản xuất, kinh doanh các sản phẩm hình thành từ kết quả KH&CN được hưởng ưu đãi miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp như doanh nghiệp thực hiện dự án đầu tư mới thuộc lĩnh vực nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ, chưa có quy định ưu đãi cụ thể dành riêng cho doanh nghiệp KH&CN trong Luật thuế TNDN.

Thứ tư, ưu đãi thuế đối với doanh nghiệp KH&CN kém hấp dẫn so với một số lĩnh vực khác, lĩnh vực khác. Theo các văn bản quy định hiện hành thì các doanh nghiệp KH&CN chưa có những ưu đãi mà lẽ ra doanh nghiệp KH&CN phải được hưởng vượt cao hơn hẳn so với các doanh nghiệp đầu tư kinh doanh ngành nghề khác, bởi tính chất “then chốt”, “quốc sách hàng đầu” của KH&CN. Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hoá, thể thao, môi trường⁹, quy định: Cơ sở thực hiện xã hội hóa có thu nhập từ hoạt động xã hội hóa được áp dụng thuế suất thuế TNDN là 10% trong suốt thời gian hoạt động. Cơ sở thực hiện xã hội hóa mới thành lập kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành được miễn thuế TNDN trong 4 năm, kể từ khi có

thu nhập chịu thuế và giảm 50% thuế TNDN trong 5 năm tiếp theo. Trường hợp cơ sở thực hiện xã hội hóa tại các địa bàn ưu đãi đầu tư được miễn thuế TNDN trong 4 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế, giảm 50% thuế TNDN trong 9 năm tiếp theo và được áp dụng thuế suất thuế nhập doanh nghiệp là 10% trong suốt thời hoạt động¹⁰. Trong khi đó, doanh nghiệp KH&CN chỉ được hưởng ưu đãi thuế TNDN tối đa: miễn thuế TNDN trong 4 năm, giảm 50% thuế TNDN trong 9 năm tiếp theo và được áp dụng thuế suất thuế nhập doanh nghiệp là 10% trong 15 năm.

Như vậy, qua so sánh cho thấy, các doanh nghiệp sản xuất - kinh doanh trên cơ sở các kết quả đề tài/dự án nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khuyến khích thuộc Nghị định số 69/2008/NĐ-CP (như lĩnh vực môi trường) sẽ không cần thiết đề nghị cấp GCN doanh nghiệp KH&CN để phải chịu các ràng buộc như về doanh thu. Rõ ràng, pháp luật hiện hành về ưu đãi thuế TNDN dành cho doanh nghiệp KH&CN chưa thật sự hấp dẫn để thu hút đầu tư. Do đó, cần điều chỉnh pháp luật về ưu đãi thuế TNDN dành cho doanh nghiệp KH&CN theo hướng tăng thêm thời gian miễn, giảm thuế, ưu

đãi thuế suất để khuyến khích phát triển doanh nghiệp KH&CN và thu hút đầu tư vào lĩnh vực này. Theo đó, kiến nghị Chính phủ cần sửa đổi bổ sung Nghị định số 13/2019/NĐ-CP theo hướng doanh nghiệp KH&CN ít nhất phải được miễn thuế TNDN trong 5 năm, giảm 50% thuế TNDN trong 10 năm tiếp theo và được áp dụng thuế suất thuế TNDN là 10% trong suốt thời hoạt động.

3. Kết luận

Pháp luật về ưu đãi đầu tư đối với doanh nghiệp KH&CN cần được Nhà nước quan tâm hoàn thiện một cách thống nhất, đồng bộ, liên thông và khoa học hơn nữa để cân đối, hài hòa lợi ích giữa Nhà nước và doanh nghiệp KH&CN. Khi các doanh nghiệp KH&CN có được môi trường pháp lý thuận lợi cho hoạt động đầu tư, sản xuất, kinh doanh, sẽ góp phần phát triển nền KH&CN Việt Nam đạt trình độ tiên tiến trong khu vực, tiếp cận với trình độ thế giới, làm cơ sở vững chắc cho việc phát triển các ngành công nghiệp hiện đại, đẩy mạnh việc phổ biến và ứng dụng thành tựu KH&CN vào sản xuất và đời sống, tạo ra những sản phẩm có giá trị gia tăng cao, thúc đẩy sự tăng trưởng và đổi mới sáng tạo trong các ngành công nghiệp, phát triển kinh tế - xã hội ■

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN:

¹Khoản 5 Mục I Danh mục A Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

²Khoản 20 Mục I Danh mục B Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.

³Khoản 1 Điều 58 Luật KH&CN năm 2013, sửa đổi, bổ sung năm 2018.

⁴Khoản 1 Điều 37 Luật Đầu tư năm 2020.

⁵Khoản 1 Điều 6 Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ về doanh nghiệp KH&CN.

⁶Khoản 3 Điều 12 Nghị định số 13/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ về doanh nghiệp KH&CN.

⁷Điều 14 Luật Thuế TNDN năm 2008, sửa đổi bổ sung năm 2013, 2014, 2020.

⁸Hảo Linh, (2021). Ưu đãi thuế cho doanh nghiệp KH&CN: Biết đến bao giờ? Truy cập tại <https://tiasang.com.vn/-dien-dan/Uu-dai-thue-cho-doanh-nghiep-KHCN-Biet-den-bao-gio-26943>

⁹Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 59/2014/NĐ-CP ngày 16/6/2014 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.

¹⁰Điều 8 Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Bộ Khoa học và Công nghệ (2020). Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo Việt Nam 2020, NXB Khoa học Kỹ thuật.
2. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2021). Sách trắng Doanh nghiệp Việt Nam năm 2021, NXB Thống kê.
3. Hảo Linh, (2021). Ưu đãi thuế cho doanh nghiệp KH&CN: Biết đến bao giờ? Truy cập tại <https://tiasang.com.vn/-dien-dan/Uu-dai-thue-cho-doanh-nghiep-KHCN-Biet-den-bao-gio-26943>
4. Phạm Đức Nghiệm (2014). Một số giải pháp đẩy mạnh phát triển Doanh nghiệp KH&CN ở các địa phương, Tạp chí Khoa học và Công nghệ.

Ngày nhận bài: 26/2/2024

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 4/3/2024

Ngày chấp nhận đăng bài: 26/3/2024

Thông tin tác giả:

1. TS. LÊ THANH HÒA

Trường Chính trị TP. Cần Thơ

2. ThS. NGUYỄN VŨ BẢO

Ban Tổ chức Thành ủy Cần Thơ

**SOME RECOMMENDATIONS CONTRIBUTING
TO COMPLETING THE LAW ON INVESTMENT INCENTIVES
FOR SCIENCE AND TECHNOLOGY ENTERPRISE**

● Ph.D **LE THANH HOA**¹

● Master. **NGUYEN VU BAO**²

¹Can Tho City School of Politics

²Organization Committee of Can Tho City's Party Committee

ABSTRACT:

Science and technology development is identified as one of Vietnam's most important national policies. The Government of Vietnam has enacted laws to regulate investment incentives for science and technology enterprises. However, science and technology enterprises still face many difficulties in accessing the government's investment incentives. This paper analyzed current regulations on investment incentives for science and technology enterprises and pointed out some inadequacies and limitations of these regulations. Based on the paper's findings, some solutions were proposed to improve the effectiveness of regulations on investment incentives for science and technology enterprises.

Keywords: investment incentives, enterprise, science and technology.